

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2022/HNGĐ - ST

Ngày 24 - 5 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi:
Bà Võ Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Đội 3, thôn N, xã B, thành phố Q, tỉnh Q.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc A, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Đội 4, thôn D, xã E, huyện S, tỉnh Q.

(Chị T có mặt, anh A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc A tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Q cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02 tháng 10 năm 2015.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh A ít quan tâm đến vợ con, không chịu đi làm để cùng chị có kinh tế lo cho cuộc sống gia đình, mặc dù chị nhiều lần động viên, khuyên anh tìm kiếm việc làm, san sẻ gánh nặng kinh tế cùng chị nhưng anh không nghe, sống dựa dẫm lệ thuộc vào mẹ chồng. Mặt khác, vợ chồng chị sống cùng cha mẹ chồng nhưng quan hệ mẹ chồng - nàng dâu bất đồng, không hòa hợp nhưng anh A không hài hòa được mối quan hệ này, không lắng nghe từ hai bên mà chỉ nghe lời mẹ nên mâu thuẫn của vợ chồng thêm trầm trọng. Năm 2018 vợ chồng chị sống ly thân, đến tháng 05 năm 2020, chị đã có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh A gửi đến Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã phân tích, hòa giải khuyên vợ chồng đoàn tụ. Vì mong muốn cùng anh A xây dựng hạnh phúc, lo cho con cái nên chị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và ngày 15 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 119/2020/QĐST-HNGĐ. Mặc dù chị rất cố gắng, nỗ lực gìn giữ hạnh phúc nhưng thời gian vợ chồng về chung sống một nhà, những mâu thuẫn trước đây lặp lại và ngày càng trầm trọng hơn, từ tháng 4/2021 đến nay vợ chồng tiếp tục ly thân. Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh A nữa, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc A.

- Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Bảo F, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015, hiện cháu F đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu F, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 12 năm 2021, biên bản làm việc ngày 16 tháng 12 năm 2021, biên bản hòa giải ngày 17 tháng 3 năm 2022, bị đơn anh Phạm Ngọc A trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về quan hệ hôn nhân và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng anh thừa nhận tính anh ít nói, không biết cách thể hiện tình cảm nên chị T không cảm nhận được sự yêu thương, bảo vệ, chăm sóc và chia sẻ từ anh, công việc anh không ổn định, lương thấp nên không giúp gì được cho vợ về kinh tế. Bản thân anh biết giữa chị T và mẹ anh không được hoà thuận nhưng vì là con nên anh không thể nói gì với mẹ để hòa

giải, hàn gắn mối quan hệ giữa vợ và mẹ mà để mọi việc cứ trôi qua nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn tình cảm với vợ, yêu thương con.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Ngọc Bảo F, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015. Nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia tại phiên tòa:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, thời hạn gọi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn chuẩn bị xét xử, trình tự thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Phạm Ngọc A.

Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Bảo F, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh Phạm Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Ngọc A cư trú tại xóm 4, thôn D, xã E, huyện S, tỉnh Q nên Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Ngọc A là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Phạm Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Ngọc A tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đã được Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 10 năm 20152 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn với anh Phạm Ngọc A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống giữa chị T và anh A xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh A không có chính kiến, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, sống dựa dẫm, ỷ lại vào bố mẹ dù chị đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ anh tìm kiếm công việc làm, san sẻ gánh nặng về kinh tế cùng chị, vợ chồng ra ngoài thuê nhà sống để anh trưởng thành hơn, có trách nhiệm hơn nhưng anh A không quan tâm nên cuộc sống vợ chồng tình cảm thì tẻ nhạt, kinh tế thì khó khăn. Mặt khác, anh cũng không dung hòa được mối quan hệ giữa vợ và mẹ, việc gì cũng nghe theo mẹ mà không nghĩ đến cảm nhận và sự tôn thương của chị nên mâu thuẫn giữa chị với chồng và mẹ chồng ngày càng nghiêm trọng. Năm 2018 vợ chồng chị sống ly thân, đến tháng 05 năm 2020, chị đã có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh A gửi đến Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã phân tích, hòa giải khuyên vợ chồng đoàn tụ. Vì mong muốn cùng anh A xây dựng hạnh phúc, lo cho con cái nên chị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và ngày 15 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 119/2020/QĐST-HNGĐ. Chị đã rất cố gắng, nỗ lực gìn giữ hạnh phúc nhưng thời gian vợ chồng về chung sống một nhà, những mâu thuẫn trước đây lặp lại và ngày càng trầm trọng hơn, đến tháng 4/2021, vợ chồng tiếp tục ly thân. Về phía anh A cũng thừa nhận tính anh ít nói, không biết cách thể hiện tình cảm nên chị T không cảm nhận được sự yêu thương, bảo vệ, chăm sóc và chia sẻ từ anh, đã vậy công việc anh không ổn định, lương thấp nên không giúp gì được cho chị T về kinh tế. Bản thân anh biết giữa chị T và mẹ anh không được hoà thuận nhưng vì là con nên anh không thể nói gì với mẹ để điều chỉnh mối quan hệ giữa vợ và mẹ cho tốt hơn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên, vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Mặt khác, Tòa án triệu tập anh A đến tham gia phiên tòa, để có cơ hội hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng anh A vắng mặt, điều đó, chứng tỏ anh A đã bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của chính mình. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh A đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh A.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh A có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Bảo F, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015 (cháu F đang sống với chị T). Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu F, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con và anh A thống nhất giao cháu F cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, giao cháu Phạm Ngọc Bảo F, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh A không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh A đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Ngọc A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Bảo F, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh Phạm Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Ngọc A đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001175 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã Tịnh Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Mỹ Dung

